ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ YÊN HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:1706 /QĐ-UBND	*Yên Hòa, ngày 09 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn xã Yên Hòa giai đoạn 2026 - 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035;

Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ về chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 387/2026/NĐ-CP ngày 12/10/2026 của Chính phủ quy định nội dung, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 26/5/2026 của UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã, sau khi thống nhất với các phòng, ngành có liên quan,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn xã Yên Hòa giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Trường hợp các văn bản trích dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng các phòng: Kinh tế; Văn hóa - Xã hội; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Thôn trưởng các thôn các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- UBND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực: Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ xã;
- Các ban, phòng, ngành, đoàn thể xã;
- Các thôn;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ YÊN HÒA T. HÀ TĨNH

Phan Quang Cương

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ YÊN HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Yên Hòa, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn xã Yên Hòa giai đoạn 2026 - 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2026 của UBND xã Yên Hòa)

Thực hiện Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030; Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 26/5/2026 của UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030;

Ủy ban nhân dân xã Yên Hòa ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn xã Yên Hòa giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng xã Yên Hòa phát triển theo hướng nông thôn mới hiện đại, đồng bộ, bền vững, phù hợp với định hướng phát triển không gian kinh tế ven biển của tỉnh Hà Tĩnh; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế về nông nghiệp, thủy sản, kinh tế biển, thương mại, dịch vụ và du lịch; gắn phát triển kinh tế nông thôn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới trên cơ sở kế thừa kết quả của hai xã Cẩm Dương và Yên Hòa trước sáp nhập; tập trung hoàn thiện hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là giao thông, thủy lợi, nước sạch, thiết chế văn hóa, môi trường và hạ tầng số; phát triển các mô hình sản xuất hàng hóa, kinh tế tập thể, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng và thu nhập cho người dân.

Thực hiện giảm nghèo đa chiều theo hướng thực chất, bền vững, gắn hỗ trợ trực tiếp với phát triển sinh kế, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, tiếp cận tín dụng chính sách, cải thiện điều kiện nhà ở, y tế, giáo dục và các dịch vụ xã hội cơ bản;

hạn chế thấp nhất tình trạng tái nghèo, phát sinh nghèo mới.

Phát huy vai trò chủ thể của người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã và cộng đồng dân cư trong xây dựng nông thôn mới; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, xây dựng môi trường nông thôn văn minh, sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn và đáng sống.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu tăng thu nhập bình quân của người dân nông thôn đến năm 2030 gấp 2,5-3 lần so với năm 2020.

- Phấn đấu tỷ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm từ 1,5%/năm trở lên.

- Phấn đấu đến năm 2029 xã hoàn thành đạt chuẩn nông thôn mới theo bô tiêu chí mới theo Quyết định 51/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Có tối thiểu 01 thôn đạt chuẩn thôn thông minh và các thôn còn lại đạt yêu cầu theo quy định.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi thực hiện

Thực hiện trên toàn địa bàn xã Yên Hòa, gồm 09 thôn; ưu tiên các địa bàn còn khó khăn về hạ tầng, sản xuất, môi trường và sinh kế; trong đó quan tâm 03 thôn ven biển Mỹ Hòa, Bắc Thành, Hoàng Vân và các khu vực sản xuất nông nghiệp tập trung, vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, ngập úng.

2. Đối tượng thụ hưởng

Người dân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, các thôn, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các tổ chức có liên quan trên địa bàn xã; trong đó ưu tiên hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), hộ gia đình chính sách, người khuyết tật, phụ nữ, lao động thiếu việc làm và các đối tượng yếu thế khác theo quy định.

3. Thời gian thực hiện: Chương trình được thực hiện từ năm 2026 đến hết năm 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến hết năm 2030.

III. CÁC HỢP PHẦN VÀ NỘI DUNG THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Hợp phần thứ nhất: Các nội dung chung thực hiện trên địa bàn toàn xã

Tập trung triển khai 10 nội dung thành phần, cụ thể như sau:

1.1. Nội dung thành phần 01: Hoàn thiện quy hoạch theo quy định, bảo đảm đồng bộ, phát huy lợi thế vùng, miền và phát triển bền vững

Rà soát, cập nhật, hoàn thiện quy hoạch chung xã Yên Hòa đến năm 2050 đảo bảo tích hợp, hài hòa các quy hoạch sau sáp nhập, thống nhất với quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; phù hợp với định hướng phát triển hành lang kinh tế ven biển, các khu vực phát triển công nghiệp, dịch vụ, thương mại, du lịch và nông nghiệp. Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt, UBND

xã sẽ thực hiện công bố quy hoạch và triển khai thực hiện quy hoạch.

Rà soát quỹ đất công cộng, đất xây dựng nhà văn hóa, khu thể thao, nghĩa trang, công trình hạ tầng sau sắp xếp thôn; bố trí, điều chỉnh phù hợp với quy mô dân số, không gian phát triển và nhu cầu thực tế.

Triển khai các quy hoạch về phát triển kinh tế xã hội, như: quy hoạch du lịch dịch vụ, quy hoạch cụm công nghiệp, quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ, an toàn, quy hoạch vùng nguyên liệu tập trung gắn với lợi thế địa phương,…. Nhằm phát triển kinh tế xã hội địa phương.

Quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất, trật tự xây dựng, hành lang giao thông, thủy lợi và hành lang bảo vệ môi trường; công khai quy hoạch để người dân biết, tham gia giám sát.

Từng bước ứng dụng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin địa lý trong quản lý quy hoạch, đất đai và hạ tầng.

1.2. Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu

Hạ tầng giao thông: Ưu tiên đầu tư, nâng cấp các tuyến giao thông kết nối liên thôn, đường trục chính thôn, đường phục vụ sản xuất, các tuyến kết nối khu dân cư với trường học, cơ sở y tế, trung tâm xã. Tập trung giải quyết các tuyến đường xuống cấp, mặt đường hẹp, thiếu hệ thống thoát nước và chiếu sáng; trong đó quan tâm hạ tầng khu trung tâm xã, hạ tầng giao thông kết nối của tỉnh và vùng động lực các xã Cẩm Xuyên,… quan tâm nâng cấp, cải tạo, mở rông các tuyến giao thông dân sinh và phục vụ học sinh.

Hạ tầng thủy lợi: Rà soát, nâng cấp hệ thống kênh mương nội đồng, các công trình đầu mối, cống tiêu, trạm bơm; ưu tiên nạo vét, khơi thông dòng chảy trước vụ Xuân và vụ Hè Thu hằng năm, chủ động tưới tiêu, phòng chống ngập úng.

Phòng, chống thiên tai: Củng cố hệ thống cảnh báo, phương tiện và trang thiết bị phòng chống thiên tai; xây dựng phương án ứng phó bão, lũ, ngập úng, sạt lở, xâm thực bờ biển; nâng cao năng lực lực lượng xung kích tại các thôn.

Hạ tầng điện: Phối hợp ngành điện rà soát, nâng cấp hệ thống điện, bảo đảm an toàn, ổn định phục vụ sản xuất và sinh hoạt; khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo phù hợp với quy hoạch và điều kiện địa phương. Đẩy nhanh tiến độ phối hợp thực hiện dự án điện gió Ecowind; nâng cao năng lực dự án điện mặt trời và hệ thống điện mặt trời áp mái trên địa bàn xã.

Hạ tầng giáo dục, y tế, thương mại: Rà soát, đề xuất đầu tư, nâng cấp trường học, trạm y tế, chợ và các công trình phục vụ dân sinh; ưu tiên các hạng mục thiết yếu, có khả năng khai thác sử dụng hiệu quả.

Hạ tầng nước sạch: Đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án mở rộng nhà máy nước Bắc Cẩm XUyên cấp nước sạch cho Yên Thành - Yên Quý, tổng mức đầu tư dự kiến 6 tỷ đồng; Đồng thời, phối hợp đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án nước

sạch liên xã Thạch Khê - Đồng Tiến - Yên Hòa đã được HĐND tỉnh phân bổ tại 42/NQ-HĐND ngày 23/9/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030.

Hạ tầng môi trường: Từng bước đầu tư, hoàn thiện các điểm tập kết rác thải, hệ thống thu gom, xử lý nước thải và các công trình bảo vệ môi trường; triển khai mô hình thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên đồng ruộng.

Hạ tầng số và truyền thanh: Nâng cấp hệ thống truyền thanh cơ sở, hạ tầng viễn thông, internet; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong thông tin, tuyên truyền, quản lý và cung cấp dịch vụ công.

Quản lý, khai thác công trình: Xây dựng phương án quản lý, vận hành và bảo trì các công trình sau đầu tư; phân công rõ đơn vị quản lý, trách nhiệm bảo dưỡng, kinh phí duy tu.

1.3. Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường

Cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp: Tiếp tục phát huy lợi thế vùng sản xuất lúa của khu vực Cẩm Yên cũ; tổ chức sản xuất theo vùng, theo mùa vụ, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa, sử dụng giống có năng suất và chất lượng cao, giảm chi phí đầu vào, nâng cao hiệu quả sản xuất.

Phát triển chăn nuôi: Khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung, an toàn sinh học, kiểm soát dịch bệnh, xử lý chất thải; từng bước chuyển đổi phương thức chăn nuôi nhỏ lẻ sang mô hình phù hợp với quy hoạch và điều kiện môi trường.

Phát triển thủy sản: Tập trung nâng cao hiệu quả khai thác, nuôi trồng và dịch vụ hậu cần nghề cá; hướng dẫn ngư dân thực hiện các quy định về đăng ký, đăng kiểm, cấp giấy phép khai thác, đánh dấu tàu cá, nhật ký khai thác và truy xuất nguồn gốc thủy sản; từng bước khắc phục tình trạng tàu cá chưa đủ điều kiện hoạt động, góp phần chống khai thác IUU.

Phát triển kinh tế biển: Khuyến khích phát triển dịch vụ nghề cá, thu mua, sơ chế, bảo quản thủy sản; tạo điều kiện phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch ven biển gắn với khu vực Thiên Cầm và các lợi thế cảnh quan, văn hóa địa phương.

Phát triển kinh tế tập thể: Rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác; củng cố các mô hình hoạt động hiệu quả, khuyến khích thành lập mới theo nhu cầu thực tế; ưu tiên mô hình có liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Phát triển sản phẩm OCOP: Rà soát các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản, sản phẩm chế biến và sản phẩm đặc trưng của địa phương; lựa chọn chủ thể có năng lực, xây dựng phương án hoàn thiện sản phẩm, bao bì, nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc và xúc tiến thương mại. Thực hiện nâng cấp sản phẩm nước mắm Hoa Tùng đạt chuẩn OCOP 4 sao; lựa chọn và xây dựng thêm tối thiểu 1 sản

phẩm OCOP 3 sao.

Phát triển ngành nghề, dịch vụ nông thôn: Khuyến khích phát triển các ngành nghề chế biến nông sản, thủy sản, dịch vụ sửa chữa cơ khí, vận tải, thương mại, dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống.

Phát triển du lịch nông thôn: Nghiên cứu kết nối các sản phẩm nông nghiệp, văn hóa, cảnh quan và lợi thế ven biển với các điểm du lịch lân cận; phát triển các dịch vụ trải nghiệm phù hợp, không chạy theo phong trào, bảo đảm hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường.

Phát triển sinh kế: Xây dựng, nhân rộng các mô hình sinh kế phù hợp từng nhóm hộ, từng địa bàn; gắn hỗ trợ sản xuất với chuyển giao kỹ thuật, vốn vay, tiêu thụ sản phẩm và đánh giá hiệu quả sau hỗ trợ.

1.4. Nội dung thành phần 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững

Rà soát nhu cầu đào tạo nghề của lao động nông thôn, nhất là lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và lao động thiếu việc làm. Tổ chức đào tạo nghề gắn với nhu cầu thị trường, chú trọng các ngành nghề chế biến nông sản, thủy sản, dịch vụ du lịch, cơ khí, xây dựng, thương mại và các nghề có khả năng tạo việc làm ổn định.

Phối hợp với doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, trung tâm dịch vụ việc làm tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối cung cầu lao động trong và ngoài tỉnh; hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng khi đủ điều kiện.

Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh mở rộng sản xuất, tạo việc làm tại chỗ; ưu tiên sử dụng lao động thuộc các hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng yếu thế.

1.5. Nội dung thành phần 05: Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, trợ giúp pháp lý và thúc đẩy bình đẳng giới

Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đáp ứng yêu cầu quản lý hành chính hiện đại, quản lý kinh tế - xã hội, quản lý đầu tư, đất đai, môi trường và tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở; ưu tiên các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, phụ nữ và nhóm dễ bị tổn thương.

Lồng ghép bình đẳng giới trong các hoạt động đào tạo nghề, hỗ trợ phát triển sản xuất, việc làm, giảm nghèo; tạo điều kiện để phụ nữ tham gia quản lý, điều hành hợp tác xã, tổ hợp tác và phát triển kinh tế hộ.

1.6. Nội dung thành phần 06: Phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số ở nông thôn

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng và khai thác thủy sản; khuyến khích áp dụng quy trình sản xuất an toàn, truy xuất nguồn gốc.

Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong quản lý sản xuất, tiêu thụ nông sản, quảng bá sản phẩm OCOP, thương mại điện tử và cung cấp dịch vụ công.

Hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng các nền tảng số, thanh toán không dùng tiền mặt, dịch vụ công trực tuyến; nâng cao kỹ năng số cho tổ công nghệ số cộng đồng.

Từng bước xây dựng mô hình thôn thông minh, ứng dụng công nghệ trong quản lý môi trường, an ninh trật tự, thông tin tuyên truyền và điều hành cộng đồng.

1.7. Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm

Duy trì và nhân rộng các mô hình phân loại, thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình; nâng cao trách nhiệm của các thôn trong quản lý vệ sinh môi trường.

Tổ chức thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; xây dựng, lắp đặt các bể, điểm tập kết phù hợp; kiểm tra, xử lý tình trạng vứt bỏ bao bì, chất thải ra kênh mương, đồng ruộng.

Tăng cường kiểm soát chất thải chăn nuôi, chất thải từ hoạt động nuôi trồng, khai thác và sơ chế thủy sản; kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

Duy trì các tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp; chỉnh trang khu dân cư, khuôn viên nhà văn hóa, các điểm công cộng; khuyến khích trồng cây xanh, hàng rào xanh và xây dựng cảnh quan nông thôn.

Tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng môi trường nước, nhất là khu vực ven biển, khu vực nuôi trồng thủy sản và các khu vực có nguy cơ ô nhiễm.

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thực hiện đúng quy định.

1.8. Nội dung thành phần 08: Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững

Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững; phát huy vai trò chủ thể của người dân trong lựa chọn công trình, mô hình, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện.

Tiếp tục nâng cao chất lượng Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"; xây dựng các mô hình "Khu dân cư đoàn kết, ấm no, hạnh phúc".

Phát huy vai trò của Hội Nông dân trong phát triển kinh tế tập thể, hỗ trợ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi; Hội Liên hiệp Phụ nữ trong hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh tế; Đoàn Thanh niên trong chuyển đổi số, khởi nghiệp và xây dựng cảnh quan môi trường.

Tổ chức lấy ý kiến, đánh giá sự hài lòng của người dân; thực hiện giám sát, phản biện xã hội, bảo đảm công khai, minh bạch trong huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực.

1.9. Nội dung thành phần 09: Bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; củng cố lực lượng dân quân, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở. Chủ động nắm chắc tình hình địa bàn, giải quyết kịp thời các vụ việc phát sinh, không để hình thành điểm nóng về an ninh trật tự, khiếu kiện phức tạp.

Tăng cường quản lý hoạt động khai thác thủy sản, tàu cá, phương tiện hoạt động trên biển; thực hiện nghiêm các quy định về chống khai thác IUU, bảo đảm an toàn cho người và phương tiện hoạt động trên biển.

Duy trì, nhân rộng các mô hình tự quản về an ninh trật tự, camera giám sát, tổ liên gia an toàn; phòng ngừa tội phạm, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông, cháy nổ.

Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa Công an xã, Ban Chỉ huy quân sự xã, Đồn Biên phòng Thiên Cầm và các thôn trong bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới biển.

1.10. Nội dung thành phần 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá và triển khai hiệu quả phong trào thi đua

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu, tổ chức thực hiện Chương trình; trưởng thôn, thành viên Ban Phát triển thôn và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

Xây dựng hệ thống theo dõi, cập nhật dữ liệu về tiêu chí nông thôn mới, hộ nghèo, hộ cận nghèo, kết quả giải ngân, công trình, mô hình sản xuất và các chỉ tiêu được giao.

Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc để đề xuất xử lý.

Đổi mới công tác tuyên truyền theo hướng thiết thực, dễ hiểu, đa dạng hình thức; công khai các mục tiêu, nguồn lực, tiến độ và kết quả thực hiện.

Phát động phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững gắn với trách nhiệm người đứng đầu, kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng thôn, từng cơ quan, đơn vị.

2. Hợp phần thứ hai: Các nội dung đặc thù phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Qua rà soát đặc điểm địa bàn, xã Yên Hòa hiện không có đồng bào dân tộc thiểu số và không thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi. Vì vậy, không xác định chỉ tiêu, nhiệm vụ đầu tư thuộc Hợp phần thứ hai để triển khai đại trà trên địa bàn xã.

Căn cứ hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND xã triển khia các nội dung phù hợp với tình hình (nếu có).

IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Ngân sách trung ương

Nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền giao, bao gồm vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp; ưu tiên các công trình hạ tầng thiết yếu, phát triển sản xuất, giảm nghèo, bảo vệ môi trường và nâng cao năng lực cộng đồng.

2. Ngân sách tỉnh và ngân sách xã

Ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức và khả năng cân đối ngân sách; bảo đảm tỷ lệ vốn đối ứng theo quy định.

Ngân sách xã chủ động bố trí vốn đối ứng theo quy định, ưu tiên các nhiệm vụ cấp thiết, có tính lan tỏa, phục vụ trực tiếp đời sống và sản xuất của Nhân dân.

Lồng ghép các nguồn vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp, kinh phí thực hiện các chương trình, đề án, chính sách của tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác.

3. Các nguồn vốn hợp pháp khác

Huy động vốn tín dụng chính sách xã hội và các nguồn tín dụng hợp pháp để hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ sản xuất, kinh doanh phát triển sinh kế.

Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, phát triển hạ tầng và dịch vụ nông thôn.

Vận động sự đóng góp của Nhân dân theo nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, phù hợp khả năng của từng hộ; không huy động quá sức dân, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

Tranh thủ nguồn vốn tài trợ, viện trợ, hợp tác quốc tế và các nguồn vốn xã hội hóa khác theo quy định.

Việc quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán các nguồn vốn thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm đúng mục tiêu, đối tượng, nội dung, định mức và không trùng lặp nguồn vốn.

V. CƠ CHẾ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Cơ chế, chính sách áp dụng đối với Chương trình

1.1. Cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện

Thực hiện theo Nghị định số 387/2026/NĐ-CP ngày 12/10/2026 của Chính phủ, các văn bản hướng dẫn thi hành; Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các quy định pháp luật có liên quan.

Tăng cường phân cấp, phân quyền, đề cao trách nhiệm của UBND xã và người đứng đầu; bảo đảm nguyên tắc địa phương chủ động quyết định, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả trong phạm vi thẩm quyền.

1.2. Cơ chế phân bổ, hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình

- Đối với ngân sách trung ương: Thực hiện theo điểm 1.2 và 1.4, mục 1, Phần

V, Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/1/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Đối với ngân sách tỉnh: Đảm bảo thực hiện theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh bảo đảm quy định về tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030, phù hợp với thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách; lồng ghép các cơ chế, chính sách của tỉnh ban hành để thực hiện Chương trình.

- Ngân sách xã: Cân đối, bố trí đủ vốn theo cơ chế đối ứng tại Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐND ngày 26/6/2026 của HĐND tỉnh về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030.

- Việc phân bổ vốn thực hiện theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức do cấp có thẩm quyền quy định; phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ và khả năng cân đối nguồn lực. Ưu tiên các công trình chuyển tiếp, công trình có khả năng hoàn thành, đưa vào sử dụng sớm; các công trình thiết yếu phục vụ dân sinh, sản xuất, giảm nghèo và bảo vệ môi trường.

- Phân bổ vốn có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm tính kế thừa các kết quả đã đạt được, không đầu tư dàn trải, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Đối với nguồn vốn sự nghiệp, ưu tiên các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất, đào tạo nghề, xây dựng mô hình sinh kế, bảo vệ môi trường và nâng cao năng lực cộng đồng.

1.3. Cơ chế đầu tư thực hiện các công trình, dự án thuộc Chương trình

Đối với các dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã, căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện thực tế, UBND xã quyết định giao cơ quan, tổ chức có kinh nghiệm, năng lực quản lý làm chủ đầu tư theo quy định.

Đối với công trình quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản, có sự tham gia của người dân, Thực hiện theo quy định tại Chương IV Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ và phù hợp theo quy định hiện hành. Đặc biệt ưu tiên lồng ghép các cơ chế, chính sách cấp tỉnh để khuyến khích cộng đồng dân cư thực hiện theo cơ chế nhà nước và nhân dân cùng làm.

Các dự án khác thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng, đấu thầu, ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.

Tăng cường giám sát của cộng đồng; thực hiện công khai thông tin về chủ trương đầu tư, nguồn vốn, thiết kế, dự toán, tiến độ và kết quả thực hiện.

1.4. Cơ chế lồng ghép nguồn vốn

Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn thuộc Chương trình với các chương trình, dự án, chính sách khác trên địa bàn theo quy định, đặc biệt là Thực hiện

theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; bảo đảm không trùng lặp đối tượng, nội dung và nguồn vốn.

Ưu tiên lồng ghép vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp, nguồn hỗ trợ phát triển sản xuất, vốn tín dụng chính sách và các nguồn tài trợ hợp pháp để thực hiện đồng bộ các mục tiêu về hạ tầng, sinh kế, giảm nghèo, môi trường và an sinh xã hội.

2. Giải pháp thực hiện Chương trình

a) Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách và cụ thể hóa các tiêu chí

Tổ chức rà soát toàn diện hiện trạng 10 nhóm tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã sau sáp nhập; xác định rõ tiêu chí đã đạt, chưa đạt, mức độ đạt và nhu cầu nguồn lực để hoàn thành. Việc đánh giá phải căn cứ Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 của Trung ương và Quyết định số 68/2026/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh, bảo đảm đúng nhóm xã và yêu cầu cụ thể.

Chủ động cập nhật các văn bản hướng dẫn mới của Trung ương, tỉnh; kịp thời điều chỉnh kế hoạch, chỉ tiêu, nhiệm vụ khi có thay đổi về cơ chế, chính sách hoặc phân bổ nguồn lực.

Chủ động đề xuất và xây dựng các nghị quyết về cơ chế chính sách phù hợp với điều kiện địa phương và trình HĐND xã ban hành để thực hiện (áp dụng sau khi được HĐND tỉnh ủy quyền thực hiện).

b) Đổi mới công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phát huy vai trò chủ thể của người dân

Tuyên truyền sâu rộng mục tiêu, nội dung, cơ chế, chính sách của Chương trình bằng các hình thức phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng thôn; chú trọng tuyên truyền về trách nhiệm của người dân trong phát triển sản xuất, bảo vệ môi trường, giảm nghèo và giám sát đầu tư cộng đồng.

Gắn tuyên truyền với các phong trào thi đua, cuộc vận động, ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc, sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt đoàn thể và hoạt động của các thôn; kịp thời biểu dương các tập thể, cá nhân, hộ gia đình có cách làm hay, mô hình hiệu quả.

c) Thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình và bộ phận tham mưu giúp việc

Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi xã Yên Hòa giai đoạn 2026 - 2035 (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo xã) trên cơ sở kế thừa, sắp xếp các tổ chức chỉ đạo hiện có; bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, không làm phát sinh đầu mối quản lý nhà nước, không tăng biên chế.

Phân công rõ trách nhiệm của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã, các phòng chuyên môn, đơn vị liên quan và trưởng thôn; gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

Căn cứ từng chương trình, nhiệm vụ vụ thể để tham mưu thành lập bộ phận

chuyên môn giúp việc cho Ban chỉ đạo để thực hiện.

d) Chuyển trọng tâm từ số lượng sang chất lượng, hiệu quả và tính bền vững

Tập trung nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, không chạy theo thành tích, không đầu tư công trình thiếu nhu cầu hoặc không có khả năng khai thác. Các công trình phải giải quyết được khó khăn thực tế về giao thông, thủy lợi, nước sạch, môi trường, giáo dục, y tế và đời sống dân sinh.

Đối với giảm nghèo, chuyển từ hỗ trợ đơn thuần sang hỗ trợ có điều kiện gắn với phát triển sinh kế, việc làm, đào tạo nghề, tín dụng và khả năng tự vươn lên của hộ gia đình.

đ) Phát triển kinh tế nông thôn gắn với lợi thế của địa phương

Tập trung khai thác hiệu quả tiềm năng sản xuất nông nghiệp, thủy sản, kinh tế biển, dịch vụ và du lịch; lựa chọn mô hình sản xuất phù hợp từng thôn, từng vùng sinh thái.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, cơ giới hóa, chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc; nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển thương hiệu và kết nối thị trường. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản và thủy sản.

e) Phát triển sinh kế, nâng cao năng lực tự chủ và phòng ngừa tái nghèo

Thực hiện rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo theo từng nguyên nhân thiếu hụt; xây dựng phương án hỗ trợ cụ thể đối với từng hộ, trong đó xác định rõ nội dung hỗ trợ, khả năng đối ứng, thời gian thực hiện và kết quả dự kiến.

Ưu tiên các mô hình sinh kế có khả năng tạo thu nhập ổn định, phù hợp với điều kiện sản xuất của hộ và nhu cầu thị trường; kết hợp hỗ trợ vốn, giống, vật tư, kỹ thuật, đào tạo nghề và kết nối tiêu thụ sản phẩm.

g) Phát huy vai trò của người dân, doanh nghiệp và cộng đồng

Tạo điều kiện để người dân tham gia từ khâu xác định nhu cầu, lập kế hoạch, lựa chọn công trình, tổ chức thực hiện đến giám sát và đánh giá kết quả.

Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia phát triển sản xuất, tạo việc làm, đầu tư hạ tầng và cung ứng dịch vụ; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và cộng đồng dân cư trong vận động, giám sát và phản biện xã hội.

h) Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực

Chủ động xây dựng danh mục dự án, công trình và mô hình cần ưu tiên đầu tư theo thứ tự cấp thiết; phân kỳ đầu tư phù hợp với khả năng cân đối vốn từng năm để tổ chức thực hiện hiệu quả.

Ưu tiên vốn cho các công trình chuyển tiếp, công trình có khả năng hoàn thành, công trình giải quyết các điểm nghẽn về hạ tầng và sản xuất; tăng cường lồng ghép nguồn vốn, huy động nguồn lực xã hội hóa hợp pháp; quản lý chặt chẽ đầu tư, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, nợ đọng.

i) Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý, điều hành, giải quyết thủ tục hành

chính, quản lý đất đai, quy hoạch, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và giám sát Chương trình.

Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và các ứng dụng phục vụ sản xuất, kinh doanh.

k) Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá và công khai kết quả

Thực hiện kiểm tra định kỳ và đột xuất đối với các nhiệm vụ, công trình, dự án, mô hình sản xuất; chú trọng kiểm tra tiến độ, chất lượng, hiệu quả sử dụng vốn và kết quả sau đầu tư.

Phát huy vai trò giám sát của HĐND, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và Nhân dân; công khai kết quả thực hiện, kịp thời xử lý các vi phạm, sai phạm, biểu hiện lãng phí, tiêu cực.

VI. PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình cấp xã

Tham mưu UBND xã chỉ đạo, điều hành chung việc triển khai Chương trình; tổ chức kiểm tra, đôn đốc các phòng, đơn vị, thôn thực hiện nhiệm vụ được giao.

Chỉ đạo rà soát, đánh giá hiện trạng, xác định mục tiêu, chỉ tiêu, danh mục công trình, dự án và phương án huy động nguồn lực thực hiện hằng năm.

Định kỳ tổ chức họp đánh giá tiến độ, kết quả thực hiện; kịp thời tham mưu giải quyết khó khăn, vướng mắc và đề xuất điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp phù hợp.

1.1. Chức năng: Ban Chỉ đạo xã là tổ chức phối hợp liên ngành, giúp Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo, điều phối và xử lý các vấn đề chung, quan trọng, liên ngành trong tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035 (*sau đây gọi tắt là Chương trình*).

1.2. Nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Nghiên cứu, đề xuất với Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo, điều hành và phối hợp tổ chức thực hiện Chương trình.

b) Chỉ đạo, điều phối giữa các phòng, ban, ngành, cơ quan, đơn vị các cơ quan, tổ chức có liên quan trong tổ chức thực hiện Chương trình; đôn đốc việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ; chỉ đạo, điều phối việc xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề chung, quan trọng, liên ngành hoặc vượt thẩm quyền; chỉ đạo phối hợp theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chương trình.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã giao.

2. Phòng Kinh tế

Là cơ quan thường trực tham mưu UBND xã tổ chức thực hiện Chương trình,

có trách nhiệm:

Chủ trì tham mưu xây dựng kế hoạch 5 năm, kế hoạch hằng năm; tổng hợp các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, danh mục công trình, dự án và nhu cầu vốn thực hiện Chương trình. Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình; định kỳ, đột xuất tham mưu UBND xã báo cáo cơ quan cấp trên theo quy định.

Chủ trì rà soát, đánh giá các tiêu chí về quy hoạch, hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển sản xuất, kinh tế nông thôn, môi trường, phòng chống thiên tai và các nội dung thuộc lĩnh vực kinh tế.

Tham mưu phương án phân bổ, lồng ghép nguồn vốn; đề xuất danh mục công trình, dự án ưu tiên đầu tư; theo dõi tiến độ thực hiện, giải ngân, thanh toán và quyết toán theo quy định.

Chủ trì tham mưu các giải pháp phát triển sản xuất nông nghiệp, thủy sản, kinh tế tập thể, sản phẩm OCOP, phát triển ngành nghề nông thôn và các mô hình sinh kế.

Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xây dựng phương án hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và phòng ngừa tái nghèo.

Phòng Kinh tế là cơ quan giúp việc cho Ban Chỉ đạo tham mưu triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 2026-2035 *(không bao gồm Hợp phần II do Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì tham mưu triển khai thực hiện);* tham mưu xây dựng kế hoạch, Chương trình công tác Ban Chỉ đạo cấp xã và tổ chức triển khai thực hiện; tổng hợp tình hình thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; rà soát, đề xuất xử lý các vấn đề chung, quan trọng, liên ngành, liên xã báo cáo Trưởng ban, các Phó Trưởng ban xem xét, chỉ đạo; tham mưu báo cáo kết quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội

Chủ trì tham mưu thực hiện các nội dung về an sinh xã hội, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, giáo dục, y tế, văn hóa, thông tin, truyền thông, bình đẳng giới và chuyển đổi số theo chức năng, nhiệm vụ. Xác định nhu cầu hỗ trợ về giáo dục, y tế, nhà ở, việc làm và các dịch vụ xã hội cơ bản.

Tham mưu các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa ở khu dân cư.

Phối hợp với Phòng Kinh tế theo dõi các chỉ tiêu, tiêu chí thuộc Chương trình; tổng hợp kết quả thực hiện lĩnh vực được phân công.

Phòng Văn hóa - Xã hội là cơ quan giúp việc của Ban Chỉ đạo về triển khai thực hiện Hợp phần II của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035 (*phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị*

quyết số 257/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội); Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 (*phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 162/2024/QH15 ngày 27/11/2024 của Quốc hội*); Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2035 (*phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 249/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội)*; Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035 (*phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 262/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội)*.

4. Trung tâm Phục vụ hành chính công xã

Tham mưu thực hiện cải cách hành chính, nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Phối hợp triển khai các nội dung chuyển đổi số, hướng dẫn người dân tiếp cận và sử dụng các dịch vụ công, nền tảng số.

Theo dõi, tổng hợp các chỉ tiêu liên quan đến chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và cải cách hành chính.

5. Công an xã

Chủ trì tham mưu thực hiện các nhiệm vụ về bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Phối hợp triển khai các mô hình camera an ninh, tổ liên gia an toàn; phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật.

Phối hợp quản lý hoạt động tàu cá, phương tiện khai thác thủy sản, bảo đảm an ninh trật tự khu vực ven biển và thực hiện các nhiệm vụ chống khai thác IUU.

6. Ban Chỉ huy quân sự xã

Chủ trì tham mưu thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương; xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp.

Phối hợp xây dựng phương án phòng thủ dân sự, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản của Nhân dân.

Phối hợp với Công an xã, Đồn Biên phòng Thiên Cầm và các lực lượng liên quan bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

7. Các đơn vị trường học, Trạm Y tế và các đơn vị liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng kế hoạch triển khai các nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách; phối hợp với các phòng chuyên môn rà soát nhu cầu đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị; nâng cao chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe và các dịch vụ xã hội cơ bản.

8. Các thôn trên địa bàn xã

Căn cứ Kế hoạch của UBND xã, xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể tại thôn; tổ chức họp dân để thống nhất các nhiệm vụ, công trình, mô hình cần ưu tiên.

Rà soát các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có nguy cơ tái nghèo, hộ thiếu việc làm; đề xuất phương án hỗ trợ phù hợp.

Tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia phát triển sản xuất, chỉnh trang khu dân cư, bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan và giữ gìn an ninh trật tự.

Phối hợp giám sát các công trình, dự án và hoạt động hỗ trợ thuộc Chương trình; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về UBND xã qua Phòng Kinh tế.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với phòng Kinh tế, phòng Văn hóa - Xã hội và các sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể các nội dung được phân công, hướng dẫn địa phương tổ chức thực hiện. Chủ động, tích cực tham gia thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động Nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tham gia thực hiện. Phát hiện, biểu dương, tôn vinh và phát huy vai trò người có uy tín trong cộng đồng. Đồng thời, thực hiện hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội đối với quá trình triển khai Chương trình; tiếp tục nâng cao chất lượng Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" gắn với xây dựng mô hình "Khu dân cư đoàn kết, ấm no, hạnh phúc".

Tổ chức các phong trào thi đua, cuộc vận động gắn với phát triển sản xuất, bảo vệ môi trường, xây dựng khu dân cư văn minh, đoàn kết.

Thực hiện giám sát, phản biện xã hội, giám sát đầu tư của cộng đồng; tham gia đánh giá sự hài lòng của người dân đối với kết quả thực hiện Chương trình.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn xã Yên Hòa giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã Yên Hòa. Yêu cầu các phòng, đơn vị, các thôn và tổ chức có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.